TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 231/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 68/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Lưu Quốc B,** sinh năm: 1977

Căn cước công dân số: 0790775820 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/11/2021.

Địa chỉ: G, ấp G, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà **Lê Thị T,** sinh năm: 1981

Căn cước công dân số: 051181017496 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/11/2022.

Địa chỉ: G, ấp G, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 8 năm 2025, các đương sự đã thỏa thuận được những nội dung sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Lưu Quốc Bình thuận T1 ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 65, quyển số 2010 tại UBND xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/6/2010 không còn giá trị pháp lý.

[2]. Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Lưu Quốc B thỏa thuận giao con chung tên là trẻ Lưu Văn Q, giới tính nam, sinh ngày 19/07/2015 cho ông B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông B không yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Lưu Quốc Bình thuận T1 ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 65, quyển số 2010 tại UBND xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/6/2010 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Lưu Quốc B thỏa thuận giao con chung tên là trẻ Lưu Văn Q, giới tính nam, sinh ngày 19/07/2015 cho ông B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông B không yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặ3c gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị T và ông Lưu Quốc B chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà T, ông B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003244 ngày 14/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà T, ông B đã nộp đầy đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 10, TP . HCM;
- UBND xã Tân Vĩnh Lộc, TP . HCM;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tấn Việt